TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ.ST
Ngày: 26 - 5 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Ông Nguyễn Ngọc Tòng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định

- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *(không thuộc trường hợp tham tham gia phiên tòa sơ thẩm).*

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 60/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1971 (có mặt); Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1971 (vắng mặt); Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Tổ E, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/03/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh H tổ chức hôn lễ vào năm 1992, về chung sống như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Chị và anh H có 02

con chung là Nguyễn Kim T, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996 (02 con chung đã thành niên).

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị và anh H đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Chị và anh H không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L yêu cầu được ly hôn với anh H. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định: Mâu thuẫn giữa chị và anh H xảy ra đã lâu, mỗi người đều có cuộc sống riêng, đã ly thân khoản 10 năm đến nay và không đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh H, anh H có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 08/5/2023, ngày 26/5/2023 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh H là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh H về chung sống như vợ chồng từ năm 1992, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L yêu cầu ly hôn với anh H, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh H là vợ chồng.

[2.2] Xét về con chung: Chị L, anh H có 02 con chung là là Nguyễn Kim T, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996, cả 02 con chung đã thành niên nên không đặt ra xét xét.

[2.3] Về nợ chung và tài sản chung không tranh chấp và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ *(trăm nghìn đồng),* số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002847 ngày 06/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã Tân Thành (h.Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long): 01;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: 04.

Nguyễn Văn Mười Hai